

CHUẨN MỤC PHÁP LÝ VỚI QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN CỦA NƯỚC TA HIỆN NAY

TS. LÊ VƯƠNG LONG *

1. Khái niệm chung về chuẩn mục pháp lý

Bản thân nội hàm khái niệm pháp luật với những đặc trưng cơ bản của nó chính là thước đo của xử sự. Trong Thiên Hữu độ, pháp gia Hàn Phi Tử đã ví pháp luật với cái dây mực, cái thùy chuẩn, cái quy, cái cù tức là đồ dùng làm tiêu chuẩn. Pháp luật là một thứ tiêu chuẩn để biết đâu là chính, đâu là tà để khen đúng người phải, trách đúng kẻ quấy.⁽¹⁾ Trong tiếng Việt thì “chuẩn” là: “Cái được chọn làm căn cứ để đối chiếu, để hướng dẫn theo đó mà làm cho đúng”.⁽²⁾ Như vậy, chuẩn mục thực chất là từ ghép của chuẩn và mục. Theo đó, mục là cái (công cụ) được chọn làm mốc để dọi vào, làm theo. Với cách hiểu này thì chuẩn mục pháp lý là đại lượng về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm được nhà nước quy định trong pháp luật nhằm tạo nên giới hạn pháp lý trong xử sự của các chủ thể. Trong đời sống thực tiễn rất đa dạng các chuẩn mục, tiêu chuẩn xã hội được nhận diện theo từng lĩnh vực như đạo đức, tôn giáo, chính trị, pháp luật. Những loại chuẩn mục này được hình thành bằng nhiều con đường khác nhau, chẳng hạn các chuẩn mục đạo đức được hình thành một cách mặc nhiên từ chính đời sống xã hội, ngược lại các chuẩn mục pháp luật lại được hình thành bằng con đường

nhà nước với một quy trình xây dựng và hiện thực hóa giá trị của nó trên thực tế hết sức chặt chẽ.

Chuẩn mục pháp lý không thể là kết quả của sự ấn định một tiêu chuẩn tùy tiện, thiếu luận cứ khoa học và thực tiễn. Bất cứ chuẩn mục nào hình thành một cách chủ quan, duy ý chí đều không có hiệu lực và hiệu quả điều chỉnh. Theo Mác, “Nhà lập pháp phải coi mình như là nhà khoa học tự nhiên. Ông ta không làm ra luật, ông ta không phát minh ra chúng mà chỉ nêu chúng lên, ông ta biểu hiện những quy luật nội tại của những mối quan hệ tinh thần thành những đạo luật thành văn có ý thức. Chúng ta sẽ phải chê trách nhà làm luật là vô cùng tùy tiện, nếu ông ta thay thế bản chất của sự việc bằng nhiều điểm bịa đặt của mình”.⁽³⁾ Xác định chuẩn mục pháp lý đúng mới có tác dụng trên thực tế. Điều này đã được Hàn Phi Tử từ hơn hai ngàn năm trước tiên lượng: “Các chuẩn mục pháp luật phải hợp thời, dễ hiểu, dễ thi hành; công bằng và có tính cách phổ biến”.⁽⁴⁾ Sự lệch chuẩn pháp lý sẽ đem lại những hệ quả, tác hại xã hội khó lường và hơn hết nó phủ nhận các nguyên tắc, giá trị, khuynh hướng điều chỉnh pháp luật. Vì lẽ

* Giảng viên chính Khoa hành chính - nhà nước Trường Đại học Luật Hà Nội

đó, công bằng, bình đẳng, nhân đạo là những nguyên tắc cốt lõi đòi hỏi phải được quán triệt một cách đầy đủ trong quá trình định chuẩn pháp lí.

Có thể phân chia chuẩn mực pháp lí thành hai loại: Chuẩn mực mang tính quy phạm (gọi tắt là chuẩn mực quy phạm) và chuẩn mực cá biệt. Chuẩn mực quy phạm thực chất là các chuẩn mực được quy phạm hoá hay tồn tại dưới các quy phạm thực chất, còn chuẩn mực cá biệt là các chuẩn mực được xác định cho một vụ việc cụ thể, thực hiện và áp dụng một lần đối với chủ thể cụ thể. Trên thực tế, vấn đề xác định tiêu chuẩn và thể thức hóa nó dưới dạng quy phạm hoặc cá biệt là kết quả của quá trình xây dựng pháp luật và áp dụng pháp luật. Việc định chuẩn quy phạm được thực hiện thông qua hoạt động xây dựng pháp luật với quy trình lập pháp, lập quy có kĩ thuật pháp lí chặt chẽ. Nội dung của hoạt động định chuẩn quy phạm là định lượng mức độ, phạm vi, phương hướng tác động cụ thể theo từng loại đối tượng. Về hình thức nó tồn tại dưới các quy phạm pháp luật, phần, chương, mục, điều, khoản, điểm... của các văn bản quy phạm pháp luật có giá trị pháp lí khác nhau. Ngược lại, các chuẩn mực cá biệt lại được hình thành trên cơ sở, tiền đề là chuẩn mực quy phạm do các cơ quan nhà nước, cá nhân có thẩm quyền xác định. Dưới góc độ nội dung, có thể đó là sự cá biệt hóa quyền, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm pháp lí đối với chủ thể. Xét dưới khía cạnh hình thức, loại chuẩn mực này được thể hiện bằng văn bản, quyết định có tính cá biệt. Chuẩn mực pháp

lí là một dạng chuẩn mực xã hội được hình thành để điều chỉnh các hành vi, quan hệ xã hội do đó nó mang những đặc điểm chung của chuẩn mực xã hội. Bên cạnh đó nó có những đặc điểm đặc thù như:

- Chuẩn mực pháp lí được pháp luật quy định: Đây là đặc điểm cơ bản để phân biệt chuẩn mực pháp lí với các chuẩn mực xã hội khác. Việc tồn tại và phát huy giá trị thông qua pháp luật đã cho thấy chuẩn mực pháp lí được lượng hóa bởi pháp luật và đó là một phạm trù pháp lí có giới hạn. Rõ ràng pháp luật không thể không xác định giới hạn cần thiết để tác động, điều chỉnh nhưng bản thân pháp luật không thể tự nó cho một ai hưởng nhiều quyền, lợi ích hoặc ngược lại hạn chế điều này ở người khác trừ khi chính họ buộc pháp luật phải quy định điều đó. Cần hiểu rằng, pháp luật là đại lượng công bằng, là “mẫu số chung”⁽⁵⁾ cho những “tử số” khác nhau, do đó không phải trong mọi trường hợp, pháp luật đều xác định những giá trị như nhau và định chuẩn giống nhau.

- Chuẩn mực pháp lí thể hiện ý chí nhà nước và được đảm bảo thực thi bằng các biện pháp nhà nước: Chuẩn mực pháp lí được hình thành thông qua hoạt động xây dựng pháp luật hoặc áp dụng pháp luật do đó nó thể hiện ý chí nhà nước, mang tính quyền lực nhà nước. Việc thể hiện ý chí nhà nước trên thực tế chủ yếu thông qua hoạt động của các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền. Theo đó những loại chủ thể này nhân danh nhà nước tiến hành hoạt động định chuẩn phù hợp với từng lĩnh vực điều chỉnh, từng loại đối tượng tác động. Ví dụ, thông qua xét xử toà án

nhân dân nhân danh Nhà nước đưa ra một chuẩn mực cá biệt chính là hình phạt tương ứng hành vi phạm tội của kẻ đó. Hiệu lực và hiệu quả của việc tác động, điều chỉnh bằng hệ thống chuẩn mực pháp lí trên thực tế được bảo đảm bởi các biện pháp của nhà nước. Các biện pháp này đa dạng và linh hoạt phù hợp với từng lĩnh vực, đối tượng tác động cụ thể.

- Nội dung của chuẩn mực pháp lí xác định giới hạn pháp lí trong xử sự đối với các chủ thể có liên quan: Chuẩn mực pháp lí được đặt ra bao giờ cũng phải thể hiện rõ là tác động tới chủ thể nào, trong điều kiện nào, với mức độ nào và hiệu lực cũng như biện pháp bảo đảm ra sao. Nội dung của chuẩn mực pháp lí xác định giới hạn pháp lí trong xử sự đối với chủ thể. Giới hạn này không phải lúc nào cũng đồng thuận với nhận thức, khả năng hành vi chủ quan của chủ thể. Với cách xác định các khả năng như cho phép, ngăn cấm hoặc bắt buộc, chuẩn mực pháp lí tạo lập hành lang pháp lí cho các hoạt động thực tế của chủ thể. Tính bắt buộc ở đây được hiểu theo hai khía cạnh: *Một là*, bắt buộc chủ thể phải đáp ứng những điều kiện cần thiết mới có thể tham gia quan hệ pháp luật hoặc tiến hành các xử sự pháp lí. *Hai là*, buộc chủ thể phải tiến hành hoặc không được tiến hành những xử sự trong những điều kiện cụ thể.

- Chuẩn mực pháp lí mang tính hệ thống: Tính hệ thống của chuẩn mực pháp lí được quy định trước hết bởi sự thống nhất tương đối của nền tảng kinh tế xã hội, của đối tượng tác động. Trong đó, sự thống nhất của

chuẩn mực quy phạm là rõ ràng và có khả năng kiểm soát trên thực tế bởi hoạt động xây dựng pháp luật, hệ thống hóa pháp luật. Hệ thống chuẩn mực quy phạm được cấu trúc theo mối liên hệ hữu cơ của thứ bậc giá trị pháp lí của quy phạm. Theo đó, xét về nội dung và hình thức thì chuẩn mực quy phạm hiến pháp có giá trị cao nhất. Do đó, việc bảo đảm tính tối cao của hiến pháp thực chất là bảo đảm tính hệ thống của hệ thống chuẩn mực pháp lí. Đối với các chuẩn mực cá biệt thì khả năng bảo đảm tính hệ thống là rất khó khăn và phức tạp bởi hoạt động áp dụng pháp luật có tính riêng biệt theo các sự kiện cụ thể. Ở đây, ý thức pháp luật và thái độ nghề nghiệp của người áp dụng pháp luật là nhân tố quan trọng góp phần bảo đảm tính thống nhất tương đối của quá trình định chuẩn cá biệt. Dĩ nhiên, nguyên tắc pháp chế yêu cầu bảo đảm tính tối cao của hiến pháp đòi hỏi các chủ thể có thẩm quyền áp dụng pháp luật phải tôn trọng chuẩn mực hiến pháp, bảo đảm tính thống nhất của chuẩn mực pháp lí.

- Chuẩn mực pháp lí có mối liên hệ, tương tác hữu cơ với các loại chuẩn mực xã hội khác (đạo đức, tôn giáo, chính trị) cũng như với các chuẩn mực trong lĩnh vực tự nhiên: Đời sống của con người là sự thống nhất, tương tác hữu cơ giữa hai mặt của sự tồn tại tự nhiên và xã hội. Chúng ta "*có thể xem xét lịch sử dưới hai mặt, có thể chia lịch sử thành lịch sử tự nhiên và lịch sử nhân loại (hay lịch sử xã hội - TG). Tuy nhiên, hai mặt đó không tách rời nhau. Chừng nào mà loài người còn tồn tại thì lịch sử của họ và lịch*

sự tự nhiên quy định lẫn nhau".⁽⁶⁾ Việc hình thành hệ thống chuẩn mực ở hai lĩnh vực tồn tại này tất yếu có sự tương tác hữu cơ với nhau. Ngày nay, khi mà khả năng khai thác thế giới tự nhiên để phục vụ con người hết sức rộng mở thì việc chuẩn mực pháp lí có sự gắn kết sâu sắc với chuẩn mực về tự nhiên. Theo đó, các chuẩn mực tự nhiên cần luật hóa để bảo đảm tính hiệu lực bắt buộc. Trên thực tế, có nhiều chuẩn mực trong lĩnh vực tự nhiên đồng thời là chuẩn mực pháp lí. Chẳng hạn, không ít chuẩn mực trong lĩnh vực môi trường về đất đai, khí thải, nguồn nước... đều có hiệu lực ở cả hai lĩnh vực tự nhiên và pháp lí.

- Chuẩn mực pháp lí có tính kế thừa: Kế thừa dưới góc độ chuẩn mực pháp lí gắn liền với quyền phủ định và được đặt ra trên cơ sở chọn lọc. Nhìn chung, sự kế thừa đó có thể ở khía cạnh kĩ thuật pháp lí về cách thể thức hóa bằng pháp luật, kế thừa ở nội dung và cả giá trị thực tế vốn có của các chuẩn mực cũ. Theo Bác Hồ *"cái gì cũ mà xấu thì phải bỏ... cái gì cũ mà không xấu nhưng phiền phức thì phải sửa đổi lại cho hợp lí; cái gì cũ mà tốt thì phải phát triển thêm; cái gì mới mà hay thì ta phải làm"*.⁽⁷⁾ Thực tế ở nước ta, sau Cách mạng Tháng 8/1945 do nhu cầu bức xúc của quản lí xã hội, Hồ Chủ Tịch đã kí Sắc lệnh số 47 ngày 10/10/1945: *"Giữ tạm thời các bộ luật hiện hành ở Bắc - Trung - Nam bộ cho đến khi ban hành những bộ luật duy nhất cho toàn quốc"*⁽⁸⁾ và Sắc lệnh số 97 ngày 22/5/1950 tuyên bố: *"Tạm thời giữ lại các bộ luật cũ để áp dụng theo nguyên tắc phù hợp với quyền lợi của nhân dân"* (Điều

1) và *"không thiệt hại đến quyền lợi của nhân dân"* (Điều 12).⁽⁹⁾

2. Thực trạng hệ thống chuẩn mực pháp lí ở nước ta hiện nay

Sau hai thập kỉ tiên hành sự nghiệp đổi mới, hệ thống pháp luật Việt Nam đã có những biến đổi tích cực nhìn từ khía cạnh chuẩn mực pháp lí. Kết quả đạt được là từng bước hình thành hệ thống chuẩn mực có tính thống nhất tương đối trong quá trình quản lí xã hội. Mặc dù vậy, theo Nghị quyết số 48/NQ-TW của Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng ngày 25/5/2005 thì *"hệ thống pháp luật nước ta vẫn còn chưa đồng bộ, thiếu thống nhất, tính khả thi thấp, chậm đi vào cuộc sống. Cơ chế xây dựng, sửa đổi pháp luật còn nhiều bất hợp lí và chưa được coi trọng đổi mới, hoàn thiện"* nên hệ thống chuẩn mực pháp lí nước ta vẫn còn nhiều bất cập. Đó là:

- Tình trạng thiếu chuẩn mực pháp lí để hoạt động định chuẩn chưa đáp ứng kịp thời với nhu cầu thực tế. Có thể nhìn thấy tình trạng này vào những năm đầu của sự nghiệp đổi mới (năm 1986 - năm 1992), chúng ta thiếu một cách căn bản hệ thống chuẩn mực pháp lí của nền kinh tế thị trường. Một số lĩnh vực xã hội có sự biến đổi thang giá trị đã làm cho sự lạc hậu hoặc đảo lộn các chuẩn mực pháp lí đã có vốn dĩ được xây dựng theo nguyên lí tập trung bao cấp. Trên một số lĩnh vực vì nhiều nguyên nhân đem lại mà tình trạng chưa có chuẩn mực pháp lí điều chỉnh các sự kiện, mối quan hệ diễn ra trong đời sống xã hội vẫn tồn tại kéo dài. Chẳng hạn, vấn đề chữa đẻ thuê, hiến xác,

tặng cho các bộ phận cơ thể đã xuất hiện ở nước ta vài thập kỉ trước đây nhưng không có bất kì quy định pháp luật nào điều chỉnh gây khó khăn cho quá trình giải quyết các vấn đề thực tiễn như: Khai sinh, nhập khẩu, từ chối, hủy bỏ thỏa thuận... trong một thời gian dài (hiện nay Bộ luật dân sự sửa đổi đã có quy định về các nội dung này).

- Lệnh chuẩn pháp lí. Có thể nói, lệnh chuẩn pháp lí là thực trạng khá phổ biến trong đời sống pháp lí của nước ta. Khả năng lệnh chuẩn có thể diễn ra trong hoạt động xây dựng pháp luật, áp dụng pháp luật và thực thi pháp luật do các chủ thể khác nhau đem lại. Định chuẩn không hợp lí, không đúng sẽ làm cho các văn bản pháp luật không bảo đảm chất lượng nghĩa là các chuẩn mực pháp lí được xác định theo đó khó có khả năng thực thi trên thực tế. Định chuẩn sai sẽ là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến lệch chuẩn trong quá trình thực thi. Đặc biệt, trong thực tiễn áp dụng pháp luật, vấn đề định chuẩn sai xảy ra khá phổ biến từ các quyết định cá biệt của các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền. Hậu quả và hệ quả trong trường hợp này là rất lớn bởi đối tượng chịu sự tác động của các quyết định cá biệt đó phần lớn xử sự lệch chuẩn. Ngược lại, đa phần là định chuẩn đúng, đưa ra chuẩn mực hợp lí nhưng chủ thể có liên quan vì những lí do khác nhau lại thực thi lệch chuẩn và dẫn đến vi phạm pháp luật. Ví dụ, Bộ tài chính đã có quy định cụ thể về định mức tiền mua xe công theo tiêu chuẩn phân loại nhưng thực tế một số cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị xã hội hàng năm vẫn tự ý mua xe

vượt định chuẩn cho phép. Theo Báo an ninh thủ đô số ra ngày 18/8/2006 hiện nay xe công được sử dụng ở nước ta là 19.285 xe, trong đó các bộ, ngành, đoàn thể ở trung ương là 6.780 xe, các địa phương là 12.500 xe. Chi tính riêng 6 tháng đầu năm 2006 Kho bạc nhà nước đã từ chối thanh toán 75 tỉ đồng chi không đúng chế độ theo quy định, trong đó 20 tỉ đồng tiền mua xe công. Đặc biệt các vụ án tham nhũng được phát hiện thời gian qua như PMU 18, Bộ thương mại... cho thấy sự lệch chuẩn pháp lí trong thi hành công vụ, tha hóa về lối sống của nhiều cán bộ công chức nhà nước.

Để khắc phục hạn chế về lệch chuẩn pháp lí, gần đây một số trường hợp Nhà nước đã đưa ra giải pháp bắt buộc đền bù oan sai do thi hành công vụ gây nên. Chẳng hạn, trong hoạt động tố tụng hình sự, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 388/NQ-UBTVQH ngày 17/3/2003 về đền bù thiệt hại cho người bị oan sai do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra. Chính phủ cũng ban hành Nghị định số 47-CP về việc giải quyết bồi thường thiệt hại do công chức, viên chức nhà nước, người có thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng gây ra.

- Xung đột chuẩn mực pháp lí: Về lí luận, chuẩn mực phải là thước đo hợp lí nhất cho một nội dung, sự kiện nhưng trong pháp luật, không phải lúc nào cũng xác định được một chuẩn mực duy nhất, mức độ duy nhất cho từng nội dung, sự kiện. Chuẩn mực pháp lí có thể là chuẩn mực chung, để có hiệu lực trong đời sống thực tế nó cần

phải có văn bản hướng dẫn, giải thích. Về nội dung cũng có thể chuẩn mực pháp lí chỉ đưa ra các giới hạn tối thiểu hoặc tối đa trong xử sự gắn với các điều kiện cụ thể. Xung đột pháp luật thực chất là xung đột chuẩn mực pháp lí, nó là thực trạng khó tránh khỏi trong quá trình quản lí xã hội bằng pháp luật. Xung đột chuẩn mực về bản chất cũng là lệch chuẩn nhưng nó khác với lệch chuẩn ở chỗ lệch chuẩn có thể không xung đột. Xung đột chuẩn mực lại là sự khác biệt khi các chủ thể đưa ra hai hay nhiều chuẩn mực tác động, giải quyết khác nhau cho một nội dung sự kiện pháp lí cụ thể. Xung đột chuẩn mực pháp lí chính là nội dung của xung đột pháp luật.

Xung đột chuẩn mực quy phạm là dạng xung đột thường thấy trong thực tiễn xây dựng pháp luật. Loại xung đột này có khả năng gây tác hại lớn vì hậu quả không thể giải quyết chỉ một lần như xung đột cá biệt. Chẳng hạn, theo khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 558/1998-UBTVQH về giao dịch nhà ở không áp dụng đối với giao dịch dân sự về nhà ở thuộc sở hữu tư nhân được xác lập trước ngày 01/7/1991 có người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân, tổ chức nước ngoài tham gia. Ủy ban thường vụ Quốc hội cũng đã ban hành Nghị quyết về giao dịch nhà ở xác lập trước ngày 01/7/1991 có yếu tố nước ngoài. Theo Nghị quyết này thì trường hợp Việt kiều đã nhập quốc tịch nước ngoài hoặc người gốc Việt Nam nhưng chưa có quốc tịch Việt Nam thì chỉ được hưởng giá trị phần thừa kế nhà ở trong nước. Điều này chỉ có thể thực hiện khi bán được nhà họ

mới có khả năng được hưởng phần giá trị theo quy định của pháp luật. Trong lúc đó theo khoản 1 Điều 92 Luật nhà ở thì bên bán phải là chủ sở hữu hoặc là người đại diện theo quy định của pháp luật dân sự. Các định chuẩn này có sự mâu thuẫn vì người c nhà nhưng vì lí do nào đó không có sở hữu nên không bán được. Ngược lại, Nghị quyết lại cho họ khả năng được hưởng phần giá trị thừa kế nhà, điều này lại chỉ thực hiện được qua giao dịch bán - mua.

Thực tế vấn đề xung đột quy phạm là sự khác biệt nội dung ở các quy phạm pháp luật trong hai văn bản luật khác nhau. Độ “vênh” này ở các văn bản điều chỉnh hai lĩnh vực khác nhau thường thấy xuất hiện nhưng ở nước ta còn có trường hợp trái ngược ở ngay văn bản hướng dẫn thực hiện với văn bản được hướng dẫn. Ví dụ, khoản 4 Điều 1 Nghị định số 70/NĐ-CP ngày 27/01/2000 của Chính phủ quy định: “*Khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCN), hộ gia đình, cá nhân nếu chưa đủ khả năng nộp tiền sử dụng đất cho Nhà nước thì được ghi nợ số tiền phải nộp trên GCN*”. Như vậy, theo Nghị định số 17/NĐ-CP không quy định cụ thể về đối tượng được phép ghi nợ. Tuy nhiên, theo Thông tư số 70/TT-BTC hướng dẫn Nghị định số 17/NĐ-CP chỉ giới hạn đối tượng ghi nợ chỉ là hộ nghèo và hộ có thu nhập thấp. Cũng theo thông tư này, tiêu chuẩn hộ nghèo do Chính phủ quy định còn hộ có thu nhập thấp do UBND cấp tỉnh quy định sau khi xin ý kiến của thường trực HĐND cấp tỉnh cho phù hợp với điều kiện của địa phương. Quy định này tạo ra quá nhiều hệ lụy pháp lí phức tạp

và khó thực hiện ngay, trong khi đó việc không cấp được GCN dẫn đến tồn đọng trên thực tế là rất lớn. Mặt khác, tình trạng loại văn bản phụ, giấy phép con lại thấy xuất hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 70/2006/TT-BTC. Cụ thể để được ghi nợ tiền sử dụng đất hộ gia đình, cá nhân phải làm đơn nêu rõ lí do chưa đủ khả năng nộp tiền sử dụng đất gửi ủy ban nhân dân xã phường xác nhận và đề nghị được ghi nợ. Trước đây đã có quy định làm đơn nhưng không cần xác nhận của phường, xã mà nộp thẳng cho cơ quan thuế và Nghị định số 17/NĐ-CP cũng không hề nói tới việc hộ gia đình, cá nhân phải làm đơn.⁽¹⁰⁾

Xung đột cá biệt là dạng xung đột xuất hiện do có sự khác biệt từ chuẩn mực cá biệt cho cùng một lĩnh vực, một sự kiện pháp lí cụ thể. Mặc dù có cả một cơ chế kiểm tra, giám sát đối với quy trình áp dụng pháp luật nhưng khó có thể bảo đảm sự chính xác tuyệt đối các định chuẩn cụ thể cho từng trường hợp. Chẳng hạn, việc hình sự hóa hoặc hành chính hóa quan hệ dân sự đối với các sự kiện pháp lí cụ thể cho thấy sự xung đột về định chuẩn cá biệt của các cơ quan tiến hành tố tụng.

- Thực trạng vô hiệu trong thực thi chuẩn mực pháp lí: Vô hiệu trong thực thi chuẩn mực pháp lí là thực trạng làm cho chuẩn mực không có hiệu lực và hiệu quả trên thực tế. Vô hiệu trong thực thi chuẩn mực pháp lí có thể vô hiệu toàn phần, tuyệt đối hoặc vô hiệu từng phần. Do nhiều nguyên nhân đem lại mà tình trạng vô hiệu chuẩn mực pháp lí xảy ra khá phổ biến trong đời sống pháp lí nước ta. Đây là vấn đề đáng lo

ngại bởi thước đo của pháp luật chính là hiệu lực và hiệu quả của quá trình thực thi các chuẩn mực, tiêu chuẩn được pháp luật quy định dưới dạng quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm. Chẳng hạn, sự tồn đọng về án dân sự không được thi hành ở các tỉnh, thành phố hiện nay là rất lớn đã dẫn đến tình trạng vô hiệu các định chuẩn trong bản án có hiệu lực pháp luật.

Nguyên nhân của tình trạng trên:

- *Về khách quan*, Nhà nước ta mới chuyển đổi cơ chế quản lí kinh tế nên các lĩnh vực quan hệ xã hội với tính cách là đối tượng điều chỉnh của pháp luật còn nhiều biến động, chưa ổn định đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc định chuẩn trong pháp luật. Bên cạnh đó, các tác động gần đây của nền kinh tế thế giới do giá xăng dầu ngày một tăng cao, chiến tranh, thiên tai... cũng đã trực tiếp tác động đến đời sống dân sinh ở nước ta và ít nhiều làm xáo trộn các chính sách pháp luật và quá trình định chuẩn pháp lí trên thực tế.

- *Về chủ quan*, trong những năm đầu của quá trình đổi mới chúng ta phải thừa nhận sự lúng túng thiếu tính chiến lược trong nhận thức tổng thể và cụ thể về các lĩnh vực kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, luật pháp. Cho đến nay, phát triển kinh tế thị trường, hội nhập mặc dù cũng đã trải qua hai thập kỉ nhưng nhìn chung vẫn còn không ít bỡ ngỡ, thiếu kinh nghiệm trên những lĩnh vực then chốt để có thể chủ động giảm thiểu những bất cập trong định chuẩn pháp lí nói riêng và trong xung đột pháp luật nói chung. Theo đó, chưa triệt để tôn trọng tính tối cao của Hiến

pháp trong xây dựng pháp luật và thực thi pháp luật. Mặt khác, năng lực áp dụng pháp luật của các cơ quan nhà nước, cá nhân có thẩm quyền còn hạn chế, công tác tập hợp hoá, pháp điển hoá chưa tính đến khả năng tương thích của hệ thống chuẩn mực pháp lí.

3. Hoàn thiện hệ thống chuẩn mực pháp lí đảm bảo quá trình hội nhập và phát triển ở nước ta hiện nay

Hoàn thiện hệ thống chuẩn mực pháp lí là yêu cầu tất yếu, khách quan và là điều kiện thiết thực để chúng ta hội nhập một cách toàn diện. Mục tiêu cơ bản của hoàn thiện hệ thống chuẩn mực pháp lí là bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, khả thi, minh bạch nhằm hoàn thiện thể chế thị trường XHCN, xây dựng nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân, củng cố chế độ dân chủ, bảo đảm quá trình hội nhập và phát triển.

Phương hướng cơ bản nhằm hoàn thiện hệ thống chuẩn mực pháp lí ở nước ta hiện nay là:

- Thể chế hoá kịp thời, đầy đủ, đúng đắn đường lối của Đảng, cụ thể hoá các quy định của hiến pháp về xây dựng nhà nước pháp quyền, tự do dân chủ của công dân; nguyên lí kinh tế thị trường XHCN;

- Chọn lọc, tiếp thu hệ thống chuẩn mực pháp lí quốc tế, pháp luật nước ngoài, kết hợp hài hoà truyền thống văn hoá pháp lí dân tộc và tính hiện đại của hệ thống pháp luật;

- Phát huy khả năng sáng tạo của con người Việt Nam, chủ động hội nhập quốc tế, thực hiện các cam kết quốc tế, bảo đảm độc lập, chủ quyền quốc gia và định hướng XHCN.

Để hội nhập và phát triển chúng ta cần

phải giải quyết đồng thời nhiều vấn đề tính tổng thể và cụ thể, trong đó cần c trọng một số giải pháp cơ bản:

- + Đẩy mạnh công tác hệ thống h chuẩn mực pháp lí: Hệ thống hóa pháp l là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục của bất nhà nước nào. Với hoạt động định chu pháp lí, hệ thống hóa pháp luật sẽ chỉ ra c bất cập, mâu thuẫn, lỗ hổng ở các chuẩn m quy phạm từ đó đưa ra các giải pháp s chữa cho phù hợp. Chuẩn mực pháp lí ph rõ ràng, dễ hiểu tránh tình trạng mập mờ, c nghĩa. Muốn vậy, việc định chuẩn tr pháp luật cần sát thực với đời sống thực xã hội và yêu cầu của quá trình hội nhậ Theo thống kê của Ủy ban APEC Việt Nam hiện nay có 25% tiêu chuẩn Việt Nam ph hợp với thế giới. Chúng ta cần rà soát, lo bỏ 6000 tiêu chuẩn cho phù hợp với khu v và thế giới đồng thời trong năm 2006 c sửa 150 tiêu chuẩn.⁽¹¹⁾ Để loại trừ sự tùy tiệ trong định chuẩn pháp lí làm chất lượng v bản pháp luật thấp, theo chúng tôi c khuyến khích các nhà khoa học đi s nghiên cứu tham gia tập hợp hóa để có c nhìn toàn diện và sâu sắc hơn về hoạt độn định chuẩn pháp lí, xây dựng các chuẩn m pháp lí theo từng lĩnh vực cụ thể. Xúc tiế thành lập hội đồng khoa học phản biện c dự án luật. Hội đồng phản biện các dự á luật bao gồm các chuyên gia đầu ngành s đưa ra những nhận xét cụ thể về nội dung hình thức, chỉ ra những điểm bất cập còn tồn tại trong dự án để nâng cao chất lượng củ văn bản luật. Hội đồng phản biện hoạt độn không thường xuyên và không có quyền phi

quyết định án luật mà chỉ góp ý về phương diện khoa học, tham mưu cho Ban lập pháp của Quốc hội hoặc Ban xây dựng pháp luật của Chính phủ khi được trưng cầu về những vấn đề có liên quan.

+ Có lộ trình cụ thể để nhanh chóng pháp điển hóa pháp luật theo khung pháp luật WTO. Trở thành thành viên chính thức của WTO, Việt Nam phải tổng rà soát hệ thống chuẩn mực pháp lí theo Hiệp định thành lập WTO, Điều XVI.4 của Hiệp định này đã quy định: *“Phải bảo đảm các luật, quy tắc và quy phạm hành chính của nước mình tương thích với nghĩa vụ được quy định trong các hiệp định của WTO”*. Mặt khác, cần thực thi cam kết trọn gói theo quy định của WTO là tất cả các quốc gia thành viên phải điều chỉnh các quy tắc và luật pháp quốc gia để thực hiện các quy định nêu trong các hiệp định đa biên về thương mại hàng hóa cụ thể là GATT và TRIPs. Các chuẩn mực pháp lí về thương mại dịch vụ theo đó phải nhanh chóng chỉnh sửa cho phù hợp với chuẩn mực, nguyên tắc bắt buộc của WTO như: Nguyên tắc minh bạch, công khai; nguyên tắc bình đẳng, cạnh tranh công bằng; nguyên tắc đối xử tối huệ quốc (MFN); nguyên tắc đãi ngộ quốc gia. Tiếp tục kí kết, gia nhập điều ước quốc tế trong lĩnh vực kinh tế thương mại, đầu tư, sở hữu, môi trường... Thực hiện các cam kết ASEAN, tham gia đầy đủ vào AFTA, tiến tới cộng đồng kinh tế châu Á năm 2020, hoàn thiện các chuẩn mực nội dung và thủ tục quy trình giải quyết tranh chấp kinh tế (hoà giải, trọng tài) phù hợp với tập quán thương mại quốc tế.

+ Bảo đảm tính tối cao của hiến pháp trong xây dựng, áp dụng pháp luật. Hiến pháp có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm tính thống nhất, hài hoà hệ thống chuẩn mực pháp lí. Tôn trọng tính tối cao của hiến pháp trong xây dựng pháp luật sẽ góp phần nâng cao chất lượng chuẩn mực pháp lí được quy định trong các văn bản cụ thể hoá hiến pháp. Hiện nay, theo quy định của pháp luật nước ta công dân mới chỉ có quyền khiếu nại, khởi kiện đối với các quyết định áp dụng trái pháp luật, phương hại đến quyền, lợi ích của chính họ còn đối với các văn bản quy phạm pháp luật trái hiến pháp, luật thì quyền khởi kiện của công dân chưa được pháp luật quy định. Trong lúc đó những văn bản ở tình trạng này sẽ trực tiếp gây cản trở quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ của công dân nói chung. Trong nhà nước pháp quyền, việc công dân khởi kiện đối với văn bản quy phạm trái hiến pháp hoặc với nguyên tắc pháp lí chung là điều dễ thấy. Vì lẽ đó, để các chuẩn mực pháp lí có chất lượng, hiệu quả và loại bỏ được tình trạng vi hiến thiết nghĩ ở nước ta cần sớm quy định quyền pháp lí đó của công dân.

+ Thực hiện việc so sánh hệ thống chuẩn mực pháp lí theo từng lĩnh vực. So sánh pháp luật là hoạt động có ý nghĩa thực tiễn quan trọng nhằm góp phần tìm kiếm các khả năng tương hợp hoặc chỉ ra các điểm khác biệt giữa hai hay nhiều hệ thống pháp luật. Tiến hành so sánh về các định chuẩn pháp lí là hoạt động thiết thực nhằm đem lại khả năng hài hoà hóa các chuẩn mực pháp luật, giảm thiểu xung đột pháp luật, bảo đảm từng

bước hội nhập hệ thống pháp luật theo từng lĩnh vực cụ thể. Khi kinh nghiệm và kết quả thực tế đạt được của chúng ta còn nhiều hạn chế thì so sánh định chuẩn pháp lí là bước rút ngắn khoảng cách về nội dung của các chính sách pháp luật và các vấn đề pháp luật thực định.

+ Nhanh chóng lựa chọn các tập quán, quy phạm đạo đức, quy tắc của các tổ chức xã hội bổ sung vào nguồn pháp luật. Ở nước ta, nguồn pháp luật chủ yếu là pháp luật thành văn, việc sử dụng tập quán còn quá đơn điệu trong lúc đó án lệ lại chưa được sử dụng. Việc phiên dịch về nguồn hoàn toàn là điều không nên vì không phải mọi mối quan hệ xã hội đều phải được điều chỉnh dưới dạng thành văn mới đem lại hiệu quả. Thực tế cho thấy rất nhiều tập quán, quy phạm đạo đức mang tính tích cực, hữu ích đã được nhân dân thừa nhận và sử dụng từ lâu đời với tính cách là một loại chuẩn mực xã hội thiết yếu. Vì lẽ đó, việc sớm lựa chọn và sử dụng nguồn này trong pháp luật bổ sung hệ thống chuẩn mực pháp lí là cần thiết và phù hợp. Với cội nguồn là văn minh lúa nước, có lối sống quần cư nặng về phong tục tập quán, chắc chắn rằng việc bổ sung, sử dụng rộng rãi các loại chuẩn mực pháp lí này ở nước ta sẽ thuận lợi và hiệu quả. Thiết nghĩ, đó cũng là biểu hiện của quá trình “hội nhập, phát triển nhưng không hòa tan” mà chúng ta đang thực hiện.

+ Thực chất quan tâm vấn đề hiệu ứng xã hội đối với các chính sách, quyết định pháp luật. Dự luận và hiệu ứng xã hội là cơ sở thực tế quan trọng để thẩm định về tính

sát thực, khả thi đối với chuẩn mực pháp lí đương nhiên, các chính sách pháp lí văn bản pháp luật không đảm bảo tính khả lí, thiếu cơ sở thực tiễn để thực thi nhân thường tỏ rõ thái độ bức xúc và gây hiệu ứng xã hội gay gắt. Chính hiệu ứng đó gây áp buộc các chủ thể có thẩm quyền xây dựng áp dụng pháp luật phải lưu tâm các vấn đề được định chuẩn. Vì vậy, cần quan tâm nghiên cứu cách thực chất hiệu ứng xã hội để có thể hình thành cơ chế pháp lí hữu hiệu tiếp nhận xử lí kịp thời các tình huống đặt ra, góp phần hoàn thiện hệ thống chuẩn mực pháp lí để bảo vệ quá trình hội nhập và phát triển./

- (1). Ở đây cái dây mực, cái thuy chuẩn, cái quy những dụng cụ dùng làm thước đo trong xây dựng. Xem: Nguyễn Hiến Lê, “Hàn Phi Tử”, Nxb. Văn học, H., 1995, tr. 275.
- (2). Viện ngôn ngữ học, “Từ điển tiếng Việt”, Nxb. Đà Nẵng, 2003, tr. 181.
- (3). Các Mác và Ăng ghen toàn tập, tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia, H., 1995, tr. 232.
- (4). Nguyễn Hiến Lê, “Hàn Phi Tử”, Nxb. Văn học, H., 1995, tr. 275 - 281.
- (5). Trong toán học, để thực hiện các phép tính cộng hoặc trừ đối với phân số người ta phải quy đồng mẫu số để xác định mẫu số chung.
- (6). Các Mác và Ăng ghen toàn tập, tập 3, Nxb. Chính trị quốc gia, H., 1995, tr. 25.
- (7). Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4. Nxb. Sự thật, H., 1989, tr. 323.
- (8). Cơ sở dữ liệu luật Việt Nam - Data law, phiên bản 02, Trung tâm thông tin Văn phòng Quốc hội.
- (9). Theo <http://www.moj.gov.vn> - Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật - Bộ tư pháp.
- (10). Bộ tài chính ban hành Quyết định số 2746/QĐ-TTCT ngày 16/08/2006 đề sửa Thông tư 70. Theo đó, quyết định trên đã bị loại bỏ theo cách không hướng dẫn để nguyên nội dung theo Nghị định số 17/NĐ-CP.
- (11). Theo Báo pháp luật số ra ngày 25/8/2006.